TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/*2019*/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoài

Các Hội thẩm Nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Đãng

2. Ông Đinh Quang Huấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị PH - Thư ký Tòa án, Toà án Nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện T - thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Đức PH - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án Nhân dân huyện T, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 82/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2019, quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H - Sinh năm 1978

HKTT + Chỗ ở hiện nay: Tổ 31, phường M, quận H, Hà Nội.

(có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: Anh Dương Quang N - sinh năm 1977

HKTT + Nơi cư trú cuối cùng: Tập thể xí nghiệp 130, xã N, huyện T, Hà Nội.

(Đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2019/QĐST - VDS, ngày 08/01/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện nộp cho Tòa án ngày 12/02/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Thu H trình bày:***

Chị Lê Thị Thu H và anh Dương Quang N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn nhângày 18/4/2014 tại UBND phường M, quận H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, anh chị sống tại tập thể xí nghiệp 130, xã N, huyện T, Hà Nội được khoảng 10 ngày thì anh N bỏ đi không rõ lý do, không có bất kỳ tin tức gì cho chị H và gia đình. Sau nhiều năm tìm kiếm anh N nhưng không có kết quả nên chị H đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích. Ngày 08/01/2019, Tòa án Nhân dân huyện T đã tuyên bố anh Dương Quang N mất tích (quyết định số 01/2019/QĐST-DS). Nay chị H xác định không còn tình cảm với anh N, hôn nhân không hạnh phúc nên chị H yêu cầu được ly hôn với anh Dương Quang N.

Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 09/10/2014. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nhà đất và công nợ chung: Chị H khẳng định vợ chồng không có tài sản chung, nhà đất và công nợ chung, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án xem xét.

**** Bị đơn là anh Dương Quang N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2019/QĐST - VDS, ngày 08/01/2019.***

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên lời khai và quan điểm như đã trình bày nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử điều khiển phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Chị H và anh N chỉ chung sống với nhau được khoảng thời gian ngắn thì anh N đã bỏ đi biệt tích, không rõ lý do. Đến nay, anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh N.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 09/10/2014 do chị H nuôi dưỡng, giáo dục từ nhỏ. Anh N hiện đã bị tuyên bố mất tích nên đề nghị HĐXX giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Về tài sản chung, nhà đất, công nợ: Không có nên không xem xét.

Chị H phải nộp án phí LHST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Dương Quang N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định số 01/2019/QĐST - VDS, ngày 08/01/2019 nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh N, tại UBND xã Ngọc Hồi và tại trụ sở Tòa án theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xác định việc xét xử và ra bản án vắng mặt đối với anh Dương Quang N là phù hợp với quy định tại điều 207, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thu H và anh Dương Quang N xác lập quan hệ hôn nhân tự nguyện, hợp pháp và đăng ký kết hôn nhângày 18/4/2014 tại UBND phường M, quận H, Hà Nội. Chị H yêu cầu được ly hôn với anh N do anh N đã bỏ nhà đi biệt tích từ năm 2014 và đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Hội đồng xét xử xét thấy: quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST - VDS, ngày 08/01/2019 của Tòa án Nhân dân huyện T tuyên bố anh Dương Quang N mất tích đã có hiệu lực pháp luật, đến nay anh N vẫn không có bất kỳ tin tức gì cho chị H. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 56 luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn với anh N.

[3]. Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung là Dương Minh Q, sinh ngày 09/10/2014. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Dương Minh Q đang ở cùng với chị H, được nuôi dưỡng, học tập và phát triển bình thường; anh Dương Quang N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Căn cứ điều 81, 82 luật hôn nhân gia đình, tiếp tục giao cháu Dương Minh Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh N có quyền đi lại thăm nom con chung - không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Trong đơn ly hôn và các lời khai, chị H khẳng định anh chị không có nhà đất, công nợ và tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải chịu 300.000đồng án phí LHST theo quy định tại khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, điều 273 bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 2 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 luật hôn nhân gia đình;

- Khoản 1 Điều 28 và các điều 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thu H được ly hôn với anh Dương Quang N.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Dương Minh Q, sinh ngày 09/10/2014 cho chị Lê Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét. Anh N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà đất và công nợ: Không có, không tranh chấp và không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thu H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm - Được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai số AA/2016/08523, ngày 15/02/2019 của Chi cục Thi hành ánhân dân sự huyện T. Chị H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

- Chị Lê Thị Thu H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

- Anh Dương Quang N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành ánhân dân sự thì người được thi hành ánhân dân sự, người phải thi hành ánhân dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành ánhân dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành ánhân dân sự./.

Nơi nhận:
- Toà án Nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát Nhân dân H. T;
- Chi cục thi hành ánhân dân sự H. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài